

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026
MẪU GIÁO LỚN 5-6 TUỔI, LỚP 5 TUỔI A
TRƯỜNG MN THỐNG NHẤT

Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Chủ đề thực hiện	Nội dung – Hoạt động giáo dục
		Trường mầm non Thống nhất	
a) Phát triển vận động			
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
MT1	1. Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp cả bài hát tiếng việt và tiếng anh	☆	- Hô hấp: Gà gáy, máy bay ù ù, thổi bóng, + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).
MT2	3.2 Tập luyện kỹ năng một số loại hình vận động, bộ môn thể thao, thể dục nhịp điệu, Aerobic, dân vũ theo chủ đề.		- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.

			+ Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. .ĐÓN TRẺ - THỂ DỤC SÁNG: - Tập các động tác ghép lời ca bài hát " Trường chúng cháu là Trường mầm non" tập với bông tua Nghe hát Quốc ca. Trò chơi vận động: + Vận động theo chủ đề: - Chủ đề Trường mầm non: đi, chạy, nhảy mô phỏng các hoạt động trong lớp, ngoài sân. - Chủ đề Gia đình: động tác thể hiện “bé em bé”, “quét nhà”, “nấu ăn”. - Chủ đề Thế giới động vật: vận động mô phỏng “chim bay”, “cá bơi”, “voi đi”, “thỏ nhảy”. Hoạt động vận động: - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Chân sáo.
--	--	--	---

		- Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. + Chụm tách. + Tiến, lùi. Hoạt động thể dục: + Thể dục nhịp điệu (Aerobic cho trẻ mầm non): - Các động tác đơn giản, phù hợp lứa tuổi: vươn vai, xoay người, bật nhảy, chạy bước nhỏ theo nhạc. - Thực hiện theo nhạc thiếu nhi vui tươi, giai điệu nhanh, giúp trẻ hứng thú. - Dân vũ – múa theo nhạc thiếu nhi hoặc dân ca: - Các động tác tay uyển chuyển, chân di chuyển nhịp nhàng. - Lồng ghép vào các bài hát chủ đề (VD: “Ngày vui đến trường”, “Em đi giữa biển vàng”). + Thể thao cơ bản: - Làm quen các môn gần gũi: bóng đá mini, ném bóng vào rổ, kéo co, nhảy bao bố. - Các hoạt động mang tính trò chơi vận động để phù hợp thể lực của trẻ
--	--	---

			Phương pháp giáo dục tiên tiến: - Trẻ tập trong các ngày hội lễ, các buổi sinh hoạt, Trung thu, Ngày 22/12, 30/4...
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động			
MT3	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây.	✓	Hoạt động vận động: + Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.
MT4	2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).		- Đứng một chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây.
MT5	2.3 Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.		Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần). - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m).
MT6	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa		- Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp. - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m).

	2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.		- Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt			
MT7	3. Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay. - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.	✓	Hoạt động chơi: - Xé, cắt đường vòng cung Trò chơi vận động: Làm quen với một số loại hình vận động, bộ môn thể thao, thể dục nhịp điệu, Aerobic bài tập dân vũ theo chủ đề, Bài tập thể dục tiếng anh, và tham gia một số trò chơi vận động, TC dân gian qua các hoạt động tập thể. xây dựng: - Lắp ráp. Trò chơi vận động: - Bẻ, nắn. Trò chơi dân gian: - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. Hoạt động tạo hình: - Cắt được theo đường viền của hình vẽ.
MT8	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi áo, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).		

			Hoạt động khác: - Gập, mở lần lượt từng ngón tay. Phương pháp giáo dục tiên tiến: - Xếp chồng 12 - 15 khối tạo lên sản phẩm Hoạt động chiều: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cy, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe			
MT9	1.1. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...		Trò chơi đóng vai theo chủ đề: Thực hành một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. Hoạt động khám phá:
MT10	<i>1.1 Kể tên một số món ăn đặc sản của địa phương, một số món ăn yêu thích của trẻ</i>		
MT11	1.2. Nói được tên một số món ăn hàng		

	ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...biết một số món ăn cổ truyền trong ngày lễ, ngày tết Thực hành một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.giàu chất đạm như: Thịt, cá, tôm, cua, + Kể tên một số món ăn đặc sản của địa phương, một số món ăn yêu thích của trẻ - Miền Bắc: Phở Hà Nội, bún chả, chả cá Lã Vọng, cốm làng Vòng, bánh cuốn Thanh Trì. - Miền Trung: Mì Quảng, bún bò Huế, cơm hến Huế, bánh bèo, bánh bột lọc, bánh tráng cuốn thịt heo. - Miền Nam: Hủ tiếu Nam Vang, bánh xèo, gỏi cuốn, lẩu mắm, cá kho tộ, bánh pía Sóc Trăng. Địa phương cậu đang dạy (ví dụ Thống Nhất – Nam Định): Có thể nhắc đến phở bò Nam Định, bánh gai Bà Thi, kẹo sù châu, nem nắm Giao Thủy, cá nướng, bánh xiu páo...
MT12	1.3. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: - Chất đạm: thịt, cá, trứng, tôm, cua, ngao, hến... - Vitamin và muối khoáng: Rau, củ, quả... - Nhận dạng cách chế biến đơn giản của một số thực phẩm. - Rau có thể luộc, nấu canh; Thịt có thể luộc, rán, kho; Gạo nấu cơm, nấu cháo. - Biết làm các loại bánh, bánh trôi, gói bánh chưng... - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).

			Hoạt động khác: - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. Hoạt động ngoài trời: - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, củ, quả.... +/Một số món ăn yêu thích của trẻ mầm non (Phù hợp khẩu vị, dễ ăn, giàu dinh dưỡng) Món chính: Cơm trắng với thịt kho, canh rau ngót nấu thịt băm, gà rán, cá sốt cà chua. - Món phụ: Cháo gà, cháo cá, phở bò, bún riêu, mì xào rau củ. - Bánh – đồ ngọt: Bánh bao, bánh mì ngọt, bánh flan, chè đậu xanh. - Hoa quả: Chuối, cam, xoài, dưa hấu, nho. - Đồ uống: Sữa tươi, nước cam, sinh tố hoa quả.
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt			
MT13	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để	✓	Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.

	vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.		- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
MT14	2.2. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	✓	- Trẻ biết gọi tên các đồ dùng phục vụ ăn uống: bát, thìa, đũa, cốc... Trẻ biết cách cầm thìa, đũa, cốc, bát đúng cách. Hoạt động khác: - Tự rửa tay bằng xà phòng. - Tự đánh răng, lau mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Trẻ biết đeo khẩu trang đúng cách để phòng 1 số bệnh như: truyền nhiễm - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn. - Trẻ biết sử dụng thành thạo các đồ dùng ăn uống khi dùng bữa. Trẻ biết giữ gìn vệ sinh khi ăn uống: ngồi ngay ngắn, không làm rơi vãi, không nói chuyện khi ăn. Rèn cho trẻ tính tự lập, gọn gàng, ngăn nắp trong sinh hoạt hằng ngày.
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe			
MT15	3.1. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi	☆	CHƠI, HỌC THEO Ý THÍCH(Lòng ghép DG dinh dưỡng) - TCVD: “Kéo cưa lừa xẻ”

	thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.		- RKN: Lịch sự trong bữa ăn - Chơi tự do
MT16	3.2. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Phòng chống bệnh về mắt, tai, mũi, họng... - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.		Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: - Trẻ biết mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn trong bữa ăn hàng ngày - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.
MT17	<i>Có kỹ năng, hành vi thói quen văn minh, lịch sự khi ăn uống ở nơi đông người (nhà hàng, buffe) xếp hàng chờ đến lượt, ăn uống từ tốn ...)</i>		- Phòng chống các bệnh như: mắt, tai, mũi, họng.... +Biết giữ gìn vệ sinh cá nhân để phòng bệnh: +Không dụi mắt, ngoáy tai, ngoáy mũi. + Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. +Che miệng khi ho, hắt hơi. +Đeo khẩu trang khi đến nơi đông người. - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.

			Phương pháp giáo dục tiên tiến: - Trong các buổi ăn tập trung thu, tổ chức ngoài trời ăn tập thể. Có hành vi ăn uống văn minh, lịch sự khi ăn Buffet Và ăn tự chọn: chờ đến lượt không chen lấn khi chưa đến lượt, lấy vừa đủ ăn không uống nước lã, ăn quà vật ngoài đường. - Không nên uống nước ngọt có ga
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh			
MT18	4.1. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	✓	Trò chơi đóng vai theo chủ đề: - Trẻ biết cách sử dụng dao kéo đúng cách và có sự giám sát của người lớn.
MT19	4.2. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.		Hoạt động khác:
MT20	4.3. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc, - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. - Biết bảo vệ cơ thể.		- Trẻ biết những nơi nguy hiểm như: hồ, ao, sông, suối, bể chứa nước, giếng, bụi rậm, công trường... - Trẻ nói được mối nguy hiểm khi đến gần: dễ bị ngã xuống nước, đuối nước, bị thương, bị côn trùng/động vật cắn, vấp ngã... Hình thành kỹ năng phòng tránh: không chơi gần hồ, ao, giếng; không tự ý lại gần bụi rậm; biết gọi người lớn khi thấy nguy hiểm. - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,
MT21	4.4. Nhận biết được một số trường hợp		

	không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.		-Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. Trò chuyện:
MT22	4.5. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	✓	- Biết bảo vệ vùng riêng tư không cho người lạ chạm, sờ vào những vùng riêng tư của mình, biết kêu cứu khi cần thiết. - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Trẻ biết một số quy định an toàn ở trường (đi lại nhẹ nhàng, không xô đẩy bạn, không leo trèo bàn ghế, xếp hàng khi ra vào lớp...). - Trẻ biết một số quy định an toàn nơi công cộng (đi theo người lớn, không chạy lung tung, không nô đùa gần đường, giữ trật tự ở nơi đông người). - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào... Hoạt động chiều:

			- Trẻ nhận biết được một số vật dụng nguy hiểm: bàn là, bếp điện, bếp ga, bếp lò đang đun, phích nước nóng, dao, kéo, đinh, kim... - Trẻ nói được mối nguy hiểm khi lại gần (bóng, điện giật, đứt tay...). - Hình thành kỹ năng tự bảo vệ: không lại gần, không chạm vào, không nghịch các vật sắc nhọn. - Biết báo cho người lớn khi phát hiện nguy hiểm. - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.
--	--	--	---

a) Khám phá khoa học

1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng

MT23	1.1. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...		Hoạt động khám phá:
MT24	1.2. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.		- Trẻ biết đặt câu hỏi về các sự vật, hiện tượng tự nhiên gần gũi (VD: Tại sao có mưa? Tại sao lá rụng? Mặt trời đi đâu vào buổi tối?...). “Tại sao có sấm? Vì sao lá cây đổi màu?...”
MT25	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh		- Cô giải thích ngắn gọn, dễ hiểu, kết hợp minh họa (VD: làm mưa nhân tạo bằng bình xịt nước). - Sử dụng mắt để nhìn màu sắc, hình dáng của lá, hoa,

	sự phát triển.		quả.
MT26	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.		- Dùng tay để sờ, cảm nhận độ mềm, cứng, nhẵn, sần. - Dùng mũi để ngửi hương thơm của hoa hoặc mùi của quả. - Dùng lưỡi (khi an toàn, có sự hướng dẫn) để nếm vị chua, ngọt của quả. - Dùng tai để lắng nghe âm thanh khi lá xào xạc trong gió, quả rơi...
MT27	1.5. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.		- Trẻ biết quan sát, nhận ra đặc điểm của đối tượng. - Biết phân loại theo nhiều dấu hiệu khác nhau (màu sắc, hình dạng, kích thước, công dụng, môi trường sống...). - Phát triển tư duy logic, khả năng so sánh, tổng hợp. - Theo màu sắc: đồ chơi màu đỏ – màu xanh – màu vàng. - Theo kích thước: lớn – vừa – nhỏ. - Theo hình dạng: tròn – vuông – tam giác - Theo công dụng: đồ dùng ăn uống – đồ dùng học tập – đồ chơi. - Theo môi trường sống (nếu là con vật): sống dưới nước – trên cạn – biết b Hoạt động khác: Trẻ biết sử dụng nhiều kênh khác nhau để tìm hiểu một sự vật, hiện tượng. - Phát triển kỹ năng quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi và

		thảo luận. - Hình thành thói quen học hỏi, khám phá từ nhiều nguồn. - Chiếu một đoạn video ngắn, trẻ nghe – nhìn thêm thông tin sinh động. - Cô đặt câu hỏi: “Con voi ăn gì? Nó sống ở đâu?” - Trẻ trao đổi ý kiến, chia sẻ điều đã biết hoặc đã thấy ngoài đời. - Trẻ nêu điểm giống nhau/khác nhau khi thu thập thông tin bằng nhiều cách. -> Cô kết luận, khẳng định đặc điểm cơ bản của đối tượng. - - Gọi hỏi: “Con voi trong phim có khác trong tranh không?” Phương pháp giáo dục tiên tiến: - Cho trẻ thử đóng vai phóng viên nhỏ: mỗi nhóm tìm hiểu từ một nguồn khác nhau, sau đó “báo cáo” lại cho cả lớp. Hoạt động ngoài trời: - Thử nghiệm gieo hạt như: + trẻ biết đặt câu hỏi, dự đoán kết quả. + Biết quan sát – so sánh – ghi nhận thay đổi theo ngày bằng công cụ đơn giản.
--	--	---

			+ Dùng ngôn ngữ để nhận xét & thảo luận. Pha màu nước - Trẻ biết quan sát sự thay đổi màu khi trộn 2 màu khác nhau. - Tập dự đoán và nhận xét kết quả. + Thí nghiệm pha Đường, muối và nước - Trẻ biết đường và muối có thể tan trong nước. - Biết quan sát sự thay đổi và nêu nhận xét. - Phát triển kỹ năng dự đoán, so sánh. - Cho trẻ xem sách tranh, ảnh chụp về đối tượng (ví dụ: con voi, cây lúa, quả xoài...). - Trẻ quan sát màu sắc, hình dáng, đặc điểm. - Trẻ biết giờ sách và xem sách từ trái qua phải. Biết giữ gìn và bảo vệ sách.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản			
MT28	2.1. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.		Hoạt động khác: - Đặt câu hỏi giúp trẻ xác định vấn đề đang gặp phải: - Cho trẻ tự tìm hiểu nguyên nhân của vấn đề -- Tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, phân tích và trình bày cách giải quyết.
MT29	2.2. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.		trẻ biết suy nghĩ, tìm ra nhiều cách để giải quyết một vấn đề. - Phát triển tính linh hoạt, sáng tạo.

		- Hình thành kỹ năng thảo luận, hợp tác nhóm. Lấy đồ vật ngoài tầm với Vấn đề: Trên giá có một cái hộp, trẻ không với tới. Cách giải quyết: Dùng ghế đứng lên. Nhờ bạn cao hơn giúp. + Lấy que/kẹp dài để kéo xuống. + Trẻ thảo luận và thử các cách khác nhau. Hoạt động ngoài trời: - Trẻ biết quan sát và chỉ ra mối liên hệ đơn giản giữa sự vật và hiện tượng. - Phát triển khả năng suy luận, tư duy logic. - Hình thành sự tò mò, yêu thích tìm hiểu khoa học. - Bé biết gì về nước. - Xem clip vòng quay của nước. Cô cho trẻ rót nước nóng vào cốc, đặt nắp trong suốt. Sau vài phút, trên nắp có giọt nước nhỏ. Gợi hỏi: “Vì sao lại có giọt nước ở nắp cốc?” - Trẻ nhận xét: “Vì nước nóng bốc hơi, hơi nước gặp nắp lạnh thì ngưng tụ thành giọt nước.”
--	--	---

3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau

MT30	3.1. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự giống và khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.		Hoạt động chơi: - Trẻ biết sử dụng chơi – âm nhạc – tạo hình – vận động để thể hiện điều mình đã biết. - Phát triển khả năng sáng tạo, giao tiếp và biểu đạt cảm xúc. - Gắn kết việc học với các hoạt động hằng ngày, ngày hội – ngày lễ, sự kiện. Hoạt động khám phá:
MT31	3.2. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...qua các hoạt động hằng ngày, ngày hội ngày lễ, ngày hội, sự kiện.....		- Trẻ biết quan sát, mô tả đặc điểm của đối tượng (màu sắc, hình dạng, kích thước, công dụng...). - Biết so sánh, tìm ra điểm giống nhau và khác nhau. - Biết trao đổi, thảo luận và chia sẻ ý kiến với bạn. Hoạt động khác: - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự giống và khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.

			- Trẻ thể hiện được thái độ tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm của các bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các tác phẩm tạo hình. - Trẻ thể hiện trong ngày Trung thu, mùa hè sôi động, bé với MT xanh
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
1. Nhận biết số đếm, số lượng			
MT32	1.1. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...		Hoạt động làm quen với toán: Sử dụng tay chỉ, từ để đếm các vật ở xung quanh trẻ: Bao nhiêu, đây là số mấy. - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Trẻ thích nói về số lượng, thường hỏi: “Bao nhiêu?”, “Đây là mấy?”, “Còn lại mấy cái?”. Trẻ hay đếm đồ vật xung quanh: số bậc cầu thang, số cái kẹo, số bạn trong nhóm. Trẻ so sánh số lượng: “Cốc này nhiều nước hơn”, “Bạn có nhiều bút hơn con”. - Trẻ vui khi nghe, đọc, hoặc nhìn thấy các con số (biển số xe, số nhà, số trên tivi...) - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng
MT33	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	✓	
MT34	1.3. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.		
MT35	1.4. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.		
MT36	1.5. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.		
MT37	1.6. Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.		
MT38	1.7. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.		

		- Trẻ biết đếm số lượng đồ vật trong phạm vi 10. - Đếm theo khả năng cá nhân (có trẻ dừng ở 5, có trẻ đến 7 hoặc 10). - Biết gắn số lượng với con số tương ứng. - Hứng thú tham gia hoạt động đếm qua trò chơi, bài hát. - Trẻ biết So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. - Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10. - Biết dùng từ để diễn đạt kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. - Rèn khả năng quan sát, tư duy logic, và diễn đạt bằng lời. - Trẻ biết gộp 2 hoặc 3 nhóm đối tượng lại với nhau và đếm tổng số. Biết diễn đạt kết quả bằng lời: “Có tất cả...”. - Rèn kỹ năng đếm, tư duy số học đơn giản, bước đầu hình thành khái niệm cộng. - Thực hành gộp nhiều nhóm nhỏ (mỗi nhóm có số lượng trong phạm vi 10). - Đếm số lượng sau khi gộp. - Diễn đạt bằng câu: “Có... và ... thì tất cả là...”.
--	--	--

		- Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau. - Trẻ biết tách một nhóm có số lượng ≤ 10 thành 2 nhóm nhỏ theo nhiều cách khác nhau. Biết đếm số lượng từng nhóm và diễn đạt bằng câu: “Có ... tách ra ... và ... - Rèn tư duy phân tích, chuẩn bị cho khái niệm trừ – cộng trong toán học. - Tách nhóm bằng hành động (chia đồ vật, chia đồ chơi, hoa, quả...). Thực hành tách theo nhiều cách: ví dụ 5 có thể tách thành 2 và 3, hoặc 4 và 1. - Đếm số lượng sau khi tách, diễn đạt bằng lời. - Trẻ nhận biết và gọi tên các số từ 5 – 10. - Biết ghép số với số lượng tương ứng. - Biết ý nghĩa của các con số. - Biết dùng số để chỉ thứ tự (thứ nhất, thứ hai, ..., thứ mười). - Rèn khả năng ghi nhớ, chú ý và ngôn ngữ toán học. - Làm quen các chữ số từ 5 đến 10 qua thẻ số, que tính, đồ vật. - Gắn số với số lượng: 5 bông hoa $\leftrightarrow$ số 5, 7 quả bóng $\leftrightarrow$ số 7... - Thực hành đếm thứ tự trong hàng: bạn đứng thứ 6, cái
--	--	---

			kẹo thứ 9... - Trẻ nhận biết, gọi tên các con số quen thuộc xuất hiện trong đời sống hằng ngày. Biết ý nghĩa đơn giản của con số (số nhà, số điện thoại, số trên đồng hồ, giá tiền, biển số xe...). - Hình thành sự quan tâm, hứng thú với toán học qua trải nghiệm thực tế. Phương pháp giáo dục tiên tiến: - Trẻ làm quen và đọc được các số cơ bản bằng tiếng Anh (1 → 10, mở rộng đến 20 tùy độ tuổi). - Biết liên hệ số tiếng Anh với số lượng đồ vật cụ thể. - Hứng thú khi học số qua trò chơi, bài hát.
--	--	--	---

2. Sắp xếp theo qui tắc

MT39	2.1. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.		Hoạt động làm quen với toán: - Trẻ biết quan sát, phân biệt đặc điểm (màu sắc, kích thước, hình dạng, độ dài...). - Sắp xếp được các đối tượng theo một trình tự cụ thể (từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao, từ ít đến nhiều...). - Rèn luyện khả năng tư duy logic và chú ý có mục đích. - Trẻ quan sát, phát hiện quy tắc sắp xếp trong một dãy mẫu (theo màu sắc, hình dạng, kích thước...). - Biết sao chép lại đúng quy tắc đã quan sát.
MT40	2.2. Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.		
MT41	2.3. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.		

			- Rèn luyện tư duy logic, ghi nhớ và chú ý có mục đích. - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan - Trẻ biết tự nghĩ ra một quy tắc sắp xếp (theo màu, hình, kích thước, hoặc sự kết hợp). - Biết tiếp tục sắp xếp đúng theo quy tắc đã nghĩ ra. - Rèn luyện khả năng tư duy logic, sáng tạo và kiên trì.
3. So sánh hai đối tượng			
MT42	3. Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.		Hoạt động làm quen với toán: Đo độ dài một vật bằng 1 đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Trẻ biết làm quen và sử dụng một số dụng cụ đo – đong đơn giản (cốc đong, thìa, thước dây, cân). - Thực hiện đo, đong và so sánh giữa các đối tượng. - Biết nói kết quả so sánh bằng ngôn ngữ toán học đơn giản: nhiều hơn, ít hơn, cao hơn, thấp hơn, dài hơn, ngắn hơn, nặng hơn, nhẹ hơn...
4. Nhận biết hình dạng			
MT43	4. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.		Hoạt động làm quen với toán: - Nhận biết và gọi tên khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật. - Nhận dạng chỉ ra điểm giống và khác nhau các khối trong thực tế.

			- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau - Trẻ gọi đúng tên các khối: khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật. - Nhận xét được đặc điểm giống và khác nhau giữa các khối. - Rèn kỹ năng quan sát, phân tích và diễn đạt bằng lời.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian			
MT44	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.		Hoạt động làm quen với toán:
MT45	5.2. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	✓	- Xác định vị trí của đồ vật phía trước, phía sau, phía trên – phía dưới, phía phải- phía trái so với bản thân trẻ và bạn khác với 1 vật nào đó làm chuẩn - Trẻ biết dùng lời nói (trên, dưới, trước, sau, trái, phải, trong, ngoài...) để mô tả vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. - Trẻ thực hiện được hành động chỉ, đặt hoặc di chuyển đồ vật đúng theo yêu cầu. - Phát triển khả năng quan sát, tư duy không gian và diễn đạt ngôn ngữ. - Trẻ gọi đúng tên 7 ngày trong tuần. - Gọi đúng tên các thysws trong tuần. - Trẻ nhận biết và gọi đúng tên 4 mùa trong năm. - Phát triển ngôn ngữ, tư duy thời gian, ghi nhớ có chủ

			định. - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.
c) Khám phá xã hội			
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng			
MT46	1.1. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.		TRÒ CHUYỆN: - Trò chuyện về bé và các bạn - TRÒ CHUYỆN: Trò chuyện về lớp học hạnh phúc - yêu thương Hoạt động khám phá: - Trẻ biết giới thiệu họ và tên đầy đủ của mình. Trẻ biết nói ngày sinh nhật của mình (ngày, tháng). - Trẻ nhận biết và nói đúng giới tính (bé trai/ bé gái). - Rèn sự tự tin, mạnh dạn khi giao tiếp. - Sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - Trẻ biết gọi tên các thành viên trong gia đình: ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em... - Trẻ nói được tuổi và giới tính của từng người (ví dụ: Bố là nam, 35 tuổi). - Trẻ nêu được công việc hàng ngày của các thành viên (mẹ nấu ăn, bố đi làm, anh đi học...) - Rèn kỹ năng giao tiếp, trò chuyện, diễn đạt rõ ràng. - Hình thành tình cảm yêu thương, gắn bó với gia đình.
MT47	1.2. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.		
MT48	1.3. Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.		
MT49	1.4. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	☆	
MT50	1.5. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	☆	
MT51	1.6. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	☆	

		- NGHề nghiệp các thành viên trong gia đình. - Nhu cầu của gia đình - Đồ dùng trong gia đình - Trẻ biết nói địa chỉ gia đình (số nhà, tên đường/phố, thôn, xóm, xã/phường...). - Trẻ nhớ và nói được số điện thoại của bố mẹ hoặc gia đình (nếu có). Rèn kỹ năng giao tiếp, tự tin, ứng xử trong tình huống cần thiết (ví dụ: khi đi lạc). - Giáo dục trẻ ý thức ghi nhớ thông tin quan trọng về gia đình. - Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non khi được hỏi, trò chuyện. HOẠT ĐỘNG HỌC (STEAM - Lồng ghép cảm xúc) Lớp học của bé Trò chuyện: - Trẻ nói đúng tên trường, tên lớp, tên cô giáo khi được hỏi. - Trẻ biết địa chỉ trường (xã/phường, thôn/xóm, đường phố). - Trẻ mô tả được một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp (trường to/đẹp, nhiều cây xanh, có sân chơi, lớp học có đồ chơi, có góc học tập...).
--	--	---

		- Rèn kỹ năng tự tin, giao tiếp và tình cảm yêu trường, lớp, cô giáo và bạn bè. - Trẻ biết gọi đúng tên cô giáo, cô nuôi, bác bảo vệ, cô lao công... - Trẻ hiểu và nói được một số công việc của từng người. - Hình thành tình cảm kính trọng, biết ơn, lễ phép với các cô bác trong trường. - Trẻ biết giới thiệu họ tên của bạn bè trong lớp. - Trẻ nhận xét và nói được một số đặc điểm nổi bật của bạn (ngoại hình, sở thích, tính cách...). - Hình thành kỹ năng giao tiếp, gắn bó, đoàn kết với bạn bè.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
MT52	2. Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”	Hoạt động khám phá: - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Trẻ biết gọi tên một số nghề gần gũi: nông dân, bác sĩ, giáo viên, công an, xây dựng... */ Ví dụ: - Nghề nông: làm ruộng, trồng lúa, trồng rau, nuôi gà, vịt → tạo ra lương thực, thực phẩm cho mọi người. - Nghề xây dựng: xây nhà, trường học, cầu đường → tạo ra những công trình cho mọi người sử dụng. - Nghề giáo viên: dạy học sinh, dạy chữ, dạy hát, dạy

		múa → giúp trẻ em học tập, ngoan ngoãn. - Nghề bác sĩ: khám bệnh, chữa bệnh, tiêm thuốc → giúp mọi người khỏe mạnh. - Nghề công an: giữ trật tự, bảo vệ an toàn cho nhân dân → giúp xã hội bình yên. - Trẻ nói được đặc điểm công việc và sản phẩm/lợi ích của nghề. - Trẻ so sánh, nêu được sự khác nhau giữa các nghề. - Bồi dưỡng tình cảm yêu quý, tôn trọng người lao động. Phương pháp giáo dục tiên tiến: - Trẻ tập làm MC dẫn chương trình giới thiệu về sản phẩm của các nghề
--	--	---

3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh

MT53	3.1. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”.	Hoạt động khám phá: - Kể tên một số lễ hội, ngày kỉ niệm (như: Tết Nguyên đán, Tết Trung thu, Giỗ Tổ Hùng Vương, Ngày Quốc khánh 2/9, Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11...).
MT54	3.2. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	Ví dụ: - Tết Nguyên đán: Cả nhà dọn dẹp, trang trí nhà cửa, chúc Tết, lì xì, đi chơi chợ hoa. - Tết Trung thu: Rước đèn, xem múa lân, ăn bánh trung thu. - Giỗ Tổ Hùng Vương: Người dân đi dâng hương tưởng nhớ các vua Hùng. - Quốc khánh 2/9: Phố phường treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm, gia đình đi chơi.

			- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. Ví dụ: Lăng Bác (Hà Nội): Nơi lưu giữ thi hài Bác Hồ, phía trước có quảng trường Ba Đình rộng lớn. - Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh): Có nhiều hòn đảo, hang động, nước biển trong xanh. - Chùa Một Cột (Hà Nội): Ngôi chùa có kiến trúc độc đáo, giống bông sen. - Khu di tích đền Hùng (Phú Thọ): Nơi tưởng nhớ các vua Hùng. - Biển Nha Trang (Khánh Hòa): Bãi cát trắng, nước biển trong, có nhiều du khách đến tắm biển. - Hội Đền Quỳnh Huê Bà Nhiếp chính ý Lan. Hội Đền Quát...
--	--	--	--

III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

1. Nghe hiểu lời nói

MT55	1.1. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.		Hoạt động khác: - Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể. + Biết lắng nghe và làm theo hiệu lệnh, quy định của cô và tập thể. + Biết sắp xếp, di chuyển theo yêu cầu. Ví dụ:
MT56	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).		

MT57	1.3. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	+ Khi cô nói: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”, trẻ thực hiện đúng. + Khi cô yêu cầu: “Bạn nào mặc áo màu đỏ thì vỗ tay 3 cái, bạn nào mặc áo màu xanh thì giơ tay lên”, trẻ biết làm theo. Trẻ hiểu nghĩa của một số từ khái quát: Ví dụ: - Phương tiện giao thông: gồm ô tô, xe máy, xe đạp, tàu hỏa, máy bay, thuyền... - Động vật: gồm con mèo, con chó, con gà, con voi, con cá... - Thực vật: gồm cây xanh, hoa, rau, quả... Đồ dùng: - Đồ dùng gia đình: bàn, ghế, giường, tủ... - Đồ dùng học tập: bút, thước, sách, vở... -> Trẻ biết “từ khái quát” là tên chung cho nhiều sự vật, hiện tượng cùng nhóm. - Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. Nghe, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Thể hiện cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói. - Lắng nghe người khác nói và phản ứng lại. - Có biểu hiện không nói leo, không nói trống không, không chửi bậy,
------	--	--

			- Hiểu nội dung mà cô / bạn vừa chia sẻ - Biết nhận xét ngắn gọn lịch sự
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
MT58	2.1. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. - Trẻ thuật trình theo nội dung của sự việc hiện tượng theo ý trẻ.		- Trẻ biết sử dụng đa dạng kiểu câu trong giao tiếp: + Câu đơn: Diễn đạt một ý đơn giản. Ví dụ: “Con có búp bê.” Câu ghép: Nói 2 ý lại với nhau bằng từ nối. Ví dụ: “Con ăn cơm rồi con đi ngủ.” - Câu khẳng định: Nói lên sự việc có thật. Ví dụ: “Trời hôm nay nắng.” - Câu phủ định: Thể hiện điều không đúng/không có. Ví dụ: “Con không thích ăn cay.” - Câu mệnh lệnh: Thể hiện yêu cầu, đề nghị. Ví dụ: “Bạn đưa cho mình cái bút với.” / “Con hãy cất đồ chơi đi.” -> Việc rèn luyện giúp trẻ biết nói rõ ràng, linh hoạt, đúng ngữ cảnh khi giao tiếp. - Trẻ biết kể lại truyện có thay đổi một vài tình tiết - Thay đổi tên nhân vật. Ví dụ: thay “Tấm” bằng “Hoa”, thay “Cám” bằng “Mai”. - Thay đổi kết thúc. Ví dụ: thay vì nhân vật bị phạt thì được tha thứ; thay vì buồn thì có cái kết vui vẻ. - Thêm hoặc bớt sự kiện. Ví dụ: thêm một đoạn nhân vật đi chơi công viên, bớt chi tiết nhân vật bị ngã...
MT59	2.2. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, ... phù hợp với ngữ cảnh.	✓	
MT60	2.3. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh, ...		
MT61	2.4. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.		
MT62	2.5. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao...	✓	
MT63	2.6. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện. - Trẻ tập làm MC		
MT64	2.7. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.		
MT65	2.8. Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	☆	

	- Trẻ biết sử dụng những từ tiếng Anh đơn giản. Phát âm chuẩn		- Khi kể, trẻ vẫn giữ được mạch truyện, có mở đầu – diễn biến – kết thúc.
MT66	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh. - Trẻ tập làm MC		-> Như vậy, trẻ không chỉ nhớ truyện gốc mà còn phát huy trí tưởng tượng, sáng tạo, biết làm mới câu chuyện theo ý mình.
MT67	<i>Nói được một số chữ số, chữ cái, con vật, hoa quả, màu sắc, chào hỏi bằng tiếng anh</i>	✓	CHƠI NGOÀI TRỜI(GDAT) - HĐCMĐ: Thăm quan nhà bếp. - TCVD: Vắt nước cam - Chơi tự do. Hoạt động chơi: - Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật. - Hành động: Nhân vật làm gì? Ví dụ: “Bạn Lan đang nhảy dây.” - Tính cách: Nhân vật như thế nào? Ví dụ: “Bạn Nam rất ngoan và biết giúp đỡ bạn bè.” Trạng thái, cảm xúc: Nhân vật cảm thấy ra sao? Ví dụ: “Bạn An buồn vì làm rơi đồ chơi.” - Lời miêu tả đầy đủ, rõ ràng, có chi tiết để người nghe hình dung được nhân vật/sự việc. Ví dụ: “Hôm qua, trong giờ chơi ngoài sân, bạn Lan vui vẻ nhảy dây cùng các bạn. Bạn cười rất tươi và còn nhường dây cho bạn khác nữa.”

		-> Cách này giúp trẻ không chỉ kể sự việc mà còn biết thêm chi tiết về con người và cảm xúc, làm cho câu chuyện sinh động hơn. +/Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh. - Biết nói to, rõ ràng khi trả lời trong giờ học, biểu diễn, hoặc khi ở nơi ồn ào. - Biết nói nhỏ nhẹ khi ở trong lớp, thư viện, lúc bạn đang ngủ hoặc nơi cần giữ trật tự. - Biết thay đổi giọng nói phù hợp với cảm xúc và vai trò khi giao tiếp, đóng kịch: - Giọng vui tươi khi kể chuyện vui. - Giọng buồn, chậm khi nói về sự việc buồn. - Giọng dứt khoát, mạnh mẽ khi đóng vai nhân vật ra lệnh. */ Ví dụ tình huống: - Trong giờ học: “Con phát biểu ý kiến” → nói to, rõ ràng. - Trong thư viện: “Bạn cho mình mượn quyển sách” → nói nhỏ nhẹ. - Khi đóng vai Sói trong truyện: dùng giọng khàn, to, dữ dằn. Trò chơi đóng kịch: Trẻ biết đóng vai nhân vật trong truyện. - Biết lựa chọn lời thoại, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với nhân vật. - Thể hiện được cảm xúc, tính cách của nhân vật qua
--	--	--

		giọng nói, nét mặt. Ví dụ: - Khi đóng vai Sói trong truyện “Cô bé quàng khăn đỏ”: giọng nói trầm, đáng sợ. - Khi đóng vai Cô bé: giọng nhẹ nhàng, ngoan ngoãn. - Khi đóng vai Ba chú heo con: điệu bộ vui tươi, giọng nói khác nhau để phân biệt từng chú heo. - Biết phối hợp với bạn bè để diễn lại một đoạn hoặc cả câu chuyện. ->Việc này giúp trẻ mạnh dạn, tự tin, rèn kỹ năng giao tiếp và phát triển trí tưởng tượng. Hoạt động khám phá: - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - Kể lại sự việc theo trình tự. - Đóng kịch. - Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về một sự việc hay hiện tượng để người nghe hiểu được. Ví dụ: “Hôm qua, buổi sáng, mẹ đưa con đi công viên. Con được chơi cầu trượt và xích đu. Sau đó, cả nhà đi ăn kem. Con rất vui.” “Trời mưa rất to, nước chảy trên mái nhà. Mọi người đi đường đều mặc áo mưa và che ô.” - Biết mở đầu câu chuyện/sự việc (ai? ở đâu? khi nào?).
--	--	---

		- Biết kể theo trình tự (trước – trong khi – sau). - Lời kể rõ ràng, dễ nghe, không bỏ sót ý chính. Hoạt động âm nhạc: - Trẻ tập làm MC dẫn chương trình điều chỉnh giọng nói... Hoạt động văn học: - Trẻ biết đọc diễn cảm các bài thơ, đồng dao, ca dao... - Đọc rõ ràng, rành mạch, đúng nhịp. - Biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng. - Thể hiện sắc thái, cảm xúc phù hợp với nội dung (vui tươi, dịu dàng, tha thiết...). Ví dụ: - Khi đọc thơ về tình cảm gia đình, giọng đọc nhẹ nhàng, tình cảm. - Khi đọc đồng dao vui chơi, giọng đọc nhanh, rộn ràng, vui tươi. -> Kỹ năng này giúp trẻ thêm hứng thú, cảm nhận được cái hay, cái đẹp trong thơ ca và mạnh dạn thể hiện trước tập thể. - Trẻ biết kể chuyện theo truyện tranh đã biết. Hoạt động khác:
--	--	---

		Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định câu mệnh lệnh trong giao tiếp hằng ngày. - Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Trả lời và đặt câu hỏi. - Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh. - Sự vật: gọi đúng tên đồ vật, con vật, cây cối, phương tiện... Ví dụ: cái bàn, cái ghế, con mèo, chiếc ô tô... Hoạt động: dùng từ đúng để nói việc mình hoặc người khác đang làm. Ví dụ: ăn, ngủ, chạy, nhảy, vẽ, hát... Đặc điểm: dùng từ miêu tả tính chất, màu sắc, kích thước, trạng thái. Ví dụ: đỏ, xanh, to, nhỏ, nhanh, chậm, vui, buồn... iết lựa chọn từ đúng ngữ cảnh: “Con mèo đang ngủ” (không nói con mèo đang ăn nếu nó ngủ). Bông hoa màu đỏ rất đẹp” (không nói màu sai). -> Như vậy trẻ vừa tăng vốn từ, vừa biết dùng từ chính xác trong giao tiếp hàng ngày. - Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định câu mệnh lệnh trong giao tiếp hằng ngày. - Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân rõ
--	--	---

		ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Trả lời và đặt câu hỏi. re biết sử dụng các từ lễ phép đơn giản phù hợp với tình huống. - Cảm ơn khi được giúp đỡ. - Xin lỗi khi làm sai, làm phiền. - Xin phép khi muốn làm gì đó. - Thưa, dạ, vâng khi trả lời người lớn. Tình huống. - Khi bạn tặng đồ chơi: “Cảm ơn bạn / Thank you.” - Khi lỡ làm rơi đồ của bạn: “Xin lỗi bạn / Sorry.” - Khi muốn ra ngoài: “Con xin phép cô ạ.” - Khi được cô gọi: “Dạ, con thưa cô ạ.” -> Như vậy vừa rèn thói quen lễ phép vừa tạo sự hứng thú học tiếng Anh đơn giản. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. */Nói được một số chữ số, chữ cái, con vật, hoa quả, màu sắc, chào hỏi bằng tiếng anh + Trẻ nói được một số từ tiếng Anh đơn giản về chữ số, chữ cái, con vật, hoa quả, màu sắc và chào hỏi. - Chữ số: one, two, three, four, five - Chữ cái: a, b, c, d... (biết đọc một số chữ cái quen thuộc). - Con vật: cat (mèo), dog (chó), fish (cá), bird (chim), elephant (voi)... - Hoa quả: apple (táo), banana (chuối), orange (cam),
--	--	---

		mango (xoài)... - Màu sắc: red (đỏ), blue (xanh da trời), green (xanh lá), yellow (vàng), black (đen), white (trắng)... - Chào hỏi: - Hello! (Xin chào!) - Goodbye! (Tạm biệt!) - Thank you! (Cảm ơn!) - Sorry! (Xin lỗi!) - Yes/No (Vâng/Không). -> Trẻ được khuyến khích phát âm Phương pháp giáo dục tiên tiến: - Trẻ lên thuyết trình trình bày sự việc hiện tượng của nhóm mình một cách tự tin mạnh dạn Gọi tên người thân , đồ vật oa , quả, con vật, màu sắc , chữ cái....bằng tiếng Anh - Trẻ tập làm MC Hoạt động khác: - Kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự. - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh - Nghe, sử dụng các từ biểu cảm - Đóng kịch - Cách khởi xướng cuộc trò chuyện. Tiếng Anh (một số từ đơn giản): - Hello (chào) - Goodbye (tạm biệt)
--	--	---

			Thank you (cảm ơn) - Sorry (xin lỗi) - Yes/No (vâng/không)
3. Làm quen với đọc, viết			
MT68	3.1. Chọn sách để “đọc” và xem.		HỒI, HD THEO Ý THÍCH(Hiệu trưởng soạn và dạy) - T/C: “ Lăn bóng ”. - Nhận biết một số kí hiệu trong cuộc sống: - Chơi tự chọn. Hoạt động làm quen chữ viết: + Trẻ nhận dạng được các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. - Biết gọi đúng tên các chữ cái từ a – ă – â ... đến y. - Phân biệt được chữ in hoa – chữ in thường, chữ viết thường (ở mức độ đơn giản). - Biết tìm và chỉ ra chữ cái trong sách, tranh, biển hiệu, đồ vật xung quanh. => Ví dụ: - Nhận ra chữ a trong từ “áo”. - Nhận ra chữ b trong từ “bạn”. - Nhận ra chữ ô trong từ “ô tô”. => Như vậy trẻ không chỉ nhớ mặt chữ mà còn biết liên hệ chữ với từ ngữ quen thuộc, giúp việc học chữ sau này dễ dàng hơn. + Trẻ đọc và phát âm chuẩn các chữ cái trong bảng chữ
MT69	3.2. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.		
MT70	3.3. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. - “Đọc sách”, chuyện theo truyện tranh đã biết. Gọi tên người thân, đồ vật, hoa, quả, con vật, màu sắc, chữ cái ... bằng tiếng Anh		
MT71	3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	☆	
MT72	3.5. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt. - Trẻ đọc chữ cái bằng tiếng Anh	✓	
MT73	3.6. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.		
MT74	<i>Đọc phát âm chuẩn các chữ cái trong bảng chữ cái đặc biệt chữ cái L/N</i>	✓	

		cái, đặc biệt phân biệt rõ chữ cái L và N. - Biết phát âm đúng từng chữ cái tiếng Việt từ a → y. - Phân biệt được âm /l/ và /n/, tránh nhầm lẫn. - Âm L: lưỡi chạm nhẹ vào lợi trên, bật hơi (la, lê, lô...). - Âm N: lưỡi chạm vào lợi trên, hơi thoát qua mũi (na, nê, nô...). + Biết so sánh qua từ ngữ cụ thể: - L: lá, lợn, lon, leo... - N: nai, nón, nôi, nằm... + Thực hành đọc từ đơn giản để phân biệt: “lá – ná, lon – non, lúa – núa”. = > Hoạt động gợi ý: - Cô giơ thẻ chữ L → trẻ phát âm /l/ và đọc từ có chứa chữ L. - Cô giơ thẻ chữ N → trẻ phát âm /n/ và đọc từ có chứa chữ N. - Trò chơi: “Nghe tiếng – chọn chữ”: Cô đọc “lá”, trẻ giơ thẻ L; cô đọc “ná”, trẻ giơ thẻ N. Hoạt động khác: Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm bản thân. - Nhìn tranh để xác định nhân vật, sự việc, trình tự trong câu chuyện. - Kể lại bằng lời của mình, có mở đầu – diễn biến – kết thúc. - Thêm chi tiết từ trải nghiệm bản thân để làm cho câu
--	--	--

		chuyện phong phú hơn. -> Ví dụ: - Khi xem tranh minh họa cảnh “bạn nhỏ đi công viên”, trẻ kể: “Hôm chủ nhật, mẹ đưa con đi công viên. Con được chơi cầu trượt giống như bạn trong tranh, còn ăn kem nữa.” - Khi xem tranh “bé giúp mẹ quét nhà”, trẻ kể: “Ở nhà con cũng hay giúp mẹ nhặt rau và quét nhà giống bạn trong tranh.” => Như vậy trẻ vừa dựa vào tranh để kể vừa liên hệ bản thân, làm cho lời kể tự nhiên và sinh động hơn. - Dựa vào nội dung câu chuyện, bài hát, bài thơ..trẻ có thể tự đặt tên cho câu chuyện, tên bài hát, tên bài thơ theo ý hiểu của trẻ. + Trẻ biết tô, đồ và sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình. - Biết cầm bút đúng cách, ngồi tư thế ngay ngắn. - Biết tô màu hoặc đồ theo nét chấm mờ của các nét cơ bản và chữ cái. - Biết sao chép một số ký hiệu quen thuộc: ☀ (mặt trời), ♥ (trái tim), ✿ (bông hoa)... - Biết sao chép các chữ cái đơn giản (a, o, e, i, u, b, m...). - Biết sao chép tên của mình dưới sự hướng dẫn của cô. => Ví dụ:
--	--	--

		- Trẻ đồ theo chữ A a in mờ trong vở tập tô. - Trẻ sao chép ký hiệu trái tim ♥ lên giấy. - Trẻ tập viết tên mình: “Linh”, “Mai”, “Nam”... => Như vậy trẻ vừa rèn kỹ năng cầm bút, vừa bước đầu làm quen với chữ viết để chuẩn bị vào lớp 1. Phương pháp giáo dục tiên tiến: Trẻ phát âm được các chữ cái tiếng Anh (Alphabet). - Biết đọc và phát âm một số chữ cái cơ bản trong bảng chữ cái tiếng Anh từ A → Z. - Phát âm theo giọng mẫu của cô, rõ ràng, dễ nghe. + Nhận ra một số chữ cái gắn với từ quen thuộc: - A – Apple (quả táo) - B – Ball (quả bóng) - C – Cat (con mèo) - D – Dog (con chó) - E – Elephant (con voi)... => Ví dụ hoạt động: - Cô giơ thẻ chữ C, trẻ phát âm /si:/ và nói: “C – Cat”. - Trẻ hát bài ABC song để ghi nhớ bảng chữ cái. Hoạt động ngoài trời: - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách sử dụng sách, cách đọc sách - Biết cách giữ sách từ trái qua phải.
--	--	---

		+/ Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem. -Biết chọn cuốn sách/truyện theo sở thích. - Biết cầm sách đúng chiều, lật giở nhẹ nhàng. - Quan sát tranh, chữ và “đọc” lại nội dung theo trí nhớ hoặc theo cách hiểu của trẻ. - Biết giữ gìn, cất sách gọn gàng sau khi xem. - > Ví dụ: Trẻ chọn truyện “Tâm Cám”, mở xem tranh và kể theo cách của mình: “Đây là Tâm đang đi dự hội, Tâm được vua chọn làm hoàng hậu...” - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - ""Đọc"" truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách. “Đọc” chuyện qua sách tranh/tranh vẽ. - Làm quen với cách đọc sách (hướng đọc: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; đọc ngắt nghỉ sau các dấu) - gọi tên người thân, đồ vật, hoa, quả, con vật, màu sắc, chữ cái ...bằng tiếng anh - Phân biệt đầu, kết thúc của sách. - “Đọc sách”, chuyện theo truyện tranh đã biết. Gọi tên người thân, đồ vật, hoa, quả, con vật, màu sắc, chữ cái ...bằng tiếng Anh +Trẻ biết cách “đọc sách” theo đúng quy tắc: - Biết cầm sách đúng chiều, mở từ trang bìa .- Khi “đọc”, biết chỉ và xem theo thứ tự: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.
--	--	--

		- Biết lật từng trang theo thứ tự từ đầu sách đến cuối sách. - Sau khi xem xong, biết gấp lại và cất sách gọn gàng vào chỗ quy định. -> Ví dụ: Khi xem truyện tranh, trẻ dùng tay chỉ theo dòng chữ và tranh, “đọc” lần lượt từng trang cho đến hết sách, không bỏ sót hoặc lật ngược. Hoạt động chiều: Trẻ nhận ra và hiểu ý nghĩa của một số ký hiệu, biển báo thông thường trong cuộc sống: + Trong trường/lớp: - Nhà vệ sinh nam/nữ. - Lối ra – vào. + Trong sinh hoạt hằng ngày: - Nơi nguy hiểm (có điện, vực sâu...). - Cấm lửa, cấm hút thuốc. + Biển báo giao thông đơn giản: - Đèn đỏ – xanh. - Biển báo đi bộ qua đường. - Biển báo cấm đi ngược chiều. => Ví dụ: - Khi thấy ký hiệu hình người đi bộ, trẻ nói được: “Đây là nơi dành cho người đi bộ qua đường.” - Khi thấy biển cấm lửa, trẻ hiểu: “Ở đây không được đốt lửa vì nguy hiểm.”
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội		
1. Thể hiện ý thức về bản thân		

MT75	1.1. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.		.CHƠI HOẠT ĐỘNG Ở CÁC GÓC (Tích hợp quyền trẻ em, PTCT tiếng anh) - GÓC XD - GOC PV - GÓC HT - GÓC THIÊN NHIÊN - GÓC NGHỆ THUẬT Hoạt động chơi:
MT76	<i>Tự quản lý được cảm xúc của bản thân (học cách bình tĩnh khi giận, tuân thủ nội quy của lớp...), điều tiết cảm xúc và hành vi của mình trong tình huống hàng ngày</i> <i>Biết gọi tên và diễn đạt được các cảm xúc cơ bản: vui, buồn, giận, sợ, ngạc nhiên...</i> <i>Học được cách bình tĩnh: hít thở sâu, đếm từ 1 đến 5, hoặc tìm đến cô khi cảm thấy khó chịu.</i> <i>Biết chia sẻ với bạn, xin lỗi khi làm sai, cảm ơn khi được giúp đỡ.</i> <i>Tự giác tuân thủ một số quy định chung: không chen lấn, không giành đồ chơi, không la hét trong giờ học.</i> <i>Điều chỉnh hành vi trong tình huống hàng ngày: biết chờ đến lượt khi chơi cầu trượt, nhường ghế cho bạn, kiểm chế không tranh cãi to tiếng.</i>	✓	Tự quản lý được cảm xúc của bản thân (học cách bình tĩnh khi giận, tuân thủ nội quy của lớp...), điều tiết cảm xúc và hành vi của mình trong tình huống hàng ngày Biết gọi tên và diễn đạt được các cảm xúc cơ bản: vui, buồn, giận, sợ, ngạc nhiên... Học được cách bình tĩnh: hít thở sâu, đếm từ 1 đến 5, hoặc tìm đến cô khi cảm thấy khó chịu. Biết chia sẻ với bạn, xin lỗi khi làm sai, cảm ơn khi được giúp đỡ. Tự giác tuân thủ một số quy định chung: không chen lấn, không giành đồ chơi, không la hét trong giờ học.
MT77	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	☆	Điều chỉnh hành vi trong tình huống hàng ngày: biết chờ đến lượt khi chơi cầu trượt, nhường ghế cho bạn, kiểm

MT78	1.3. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).		chế không tranh cãi to tiếng.
MT79	1.4. Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.		Hoạt động khám phá:
MT80	1.5. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	✓	+ Trẻ biết giới thiệu được thông tin cá nhân cơ bản của mình. - Nói được họ tên đầy đủ. - Nói được tuổi và giới tính (con trai/con gái). - Nói được tên bố, tên mẹ. - Biết nói địa chỉ nhà (thôn/xóm, xã/phường, huyện/quận...) hoặc số điện thoại của bố mẹ. => Ví dụ trẻ giới thiệu: - “Con tên là Nguyễn Minh Anh, con 5 tuổi, là con gái. Bố con tên là Nguyễn Văn Nam, mẹ con tên là Trần Thị Hoa. Nhà con ở thôn Quỳnh Huê , xã Yết Kiêu Số điện thoại của bố con là 0167636345.....” => Kỹ năng này giúp trẻ tự tin giao tiếp, đồng thời rất quan trọng để bảo vệ bản thân khi đi lạc hoặc cần nhờ người lớn giúp đỡ. - Tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại: hoạt động học, trò chuyện. * TC: Tôi là ai, Nhà tôi có mấy người, Nhà của tôi ở đâu... + Trẻ biết thể hiện sở thích, nhu cầu và khả năng của bản thân qua lời nói. - Nói được điều mình thích: ăn món gì, chơi trò nào, thích màu sắc, con vật, đồ chơi gì... - Nói được điều mình không thích: không thích ăn

		cay, không thích ồn ào, không thích bị bạn giành đồ chơi... - Nói được những việc mình làm được: tự mặc quần áo, xếp đồ chơi, vẽ, đọc thơ, hát... - Nói được những việc mình chưa làm được/không làm được: chưa biết buộc dây giày, chưa biết bơi, chưa biết viết chữ... => Ví dụ: - “Con thích ăn dưa hấu, thích chơi cầu trượt. Con không thích ăn rau đắng. Con biết gấp quần áo và tự đánh răng. Con chưa biết buộc dây giày.” Việc này giúp trẻ biết lắng nghe bản thân, tự tin bày tỏ ý kiến và rèn khả năng giao tiếp rõ ràng, trung thực. HOẠT ĐỘNG HỌC (STEAM - Lòng ghép cảm xúc) Lớp học của bé - STEAM (Lòng ghép cảm xúc) Trò chuyện: * / Trẻ biết nhận xét, so sánh điểm giống và khác giữa bản thân với bạn bè về một số đặc điểm. - Giống nhau: về dáng vẻ (cùng có tóc dài, cùng cao, cùng mặc áo đỏ...), giới tính (cùng là bé trai/bé gái), sở thích (cùng thích vẽ, cùng thích ăn kem...), khả năng (cùng biết hát, cùng biết đá bóng...). - Khác nhau: về dáng vẻ (bạn tóc ngắn, mình tóc dài; bạn cao, mình thấp...), giới tính (bạn là bé trai, mình là bé gái...), sở thích (bạn thích chơi ô tô, mình thích chơi búp bê...), khả năng (bạn biết bơi, mình chưa biết...).
--	--	---

		=. Ví dụ: - “Mình và bạn Lan đều là con gái, cùng thích hát. Nhưng bạn Lan tóc dài còn mình tóc ngắn, bạn biết nhảy múa còn mình thì chưa.” - “Mình và bạn Nam đều thích đá bóng, nhưng bạn Nam chạy nhanh hơn, còn mình thì biết chuyền bóng.” => Ý nghĩa: Giúp trẻ tự tin nói về bản thân, biết lắng nghe – so sánh, phát triển khả năng giao tiếp, hợp tác và tôn trọng sự khác biệt. + Trẻ biết xưng hô, xác định được vị trí, vai trò của mình trong gia đình: - Biết mình là con của bố mẹ. - Biết mình là cháu của ông bà. - Biết mình có thể là anh/chị nếu trong nhà có em nhỏ, hoặc là em nếu có anh/chị lớn. - Biết cách xưng hô, gọi tên các thành viên đúng quan hệ. ☐ Ví dụ trẻ nói: - “Con là con của bố mẹ, là cháu của ông bà.” - “Con là chị của em Bi.” - “Con là em của anh Nam.” ☐ Ý nghĩa: Giúp trẻ hiểu về mối quan hệ huyết thống, biết vai trò – vị trí của mình trong gia đình, từ đó hình thành tình cảm gắn bó, biết cư xử, kính trọng và yêu thương các thành viên. * / Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức:
--	--	---

			+ Ở nhà: Biết nghe lời, lễ phép với bố mẹ, ông bà. - Cất đồ chơi gọn gàng sau khi chơi. - Biết giúp mẹ lấy khăn, nhặt rau, tưới cây. - Biết giúp bố đưa đồ vật nhỏ, bỏ rác đúng nơi. + Ở trường: Biết nghe lời, lễ phép với cô giáo, các bác trong trường. - Giúp cô phát bút màu, khăn lau, xếp ghế. - Giúp bạn nhặt đồ chơi bị rơi. - Biết cất sách, vở, đồ dùng học tập vào đúng chỗ. □ Ví dụ lời trẻ có thể nói: - “Con giúp mẹ quét nhà.” - “Con vâng lời cô, không chạy trong lớp.” - “Con lấy khăn cho bạn.” => Ý nghĩa: Hình thành tính tự lập, trách nhiệm, biết chia sẻ và yêu thương, đồng thời rèn kỹ năng sống cơ bản phù hợp với lứa tuổi.
--	--	--	---

2. Thể hiện sự tự tin, tự lực

MT81	2.1. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	☆	CHƠI, HĐ THEO Ý THÍCH
MT82	<i>Tự giải quyết xung đột và biết cách ứng xử phù hợp, chịu trách nhiệm trong tình huống cụ thể</i>	✓	- Lao động dọn vệ sinh lớp học - Chơi trò chơi: Tay đẹp - Chơi tự chọn
MT83	2.2. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.		Hoạt động chơi: - Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao - Khi được cô hoặc bố mẹ giao nhiệm vụ (như nhặt rác, xếp ghế, vẽ tranh, làm bài tập đơn giản...), trẻ biết tập trung và tự làm đến khi xong, không bỏ dở giữa

		chùng. - Biết chủ động tìm cách làm nếu gặp khó khăn (hỏi bạn, hỏi cô, suy nghĩ cách khác), không dễ nản. - Sau khi làm xong, biết báo cáo kết quả: “Con làm xong rồi ạ.” - Có ý thức chịu trách nhiệm với việc được giao, không đổ lỗi cho bạn hay người khác. => Ví dụ tình huống: - Cô giao: “Hôm nay con xếp bút chì vào hộp giúp cô nhé.” → Trẻ tự xếp ngay ngắn, nếu rơi bút xuống sàn biết nhặt lên để hoàn thành. - Khi vẽ tranh, dù khó nhưng trẻ vẫn cố vẽ xong thay vì bỏ ngang. => Ý nghĩa giáo dục: Hình thành cho trẻ tính kiên trì, trách nhiệm, tinh thần tự lập và sự tự tin vào khả năng của bản thân. Hoạt động khác: * /Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...) + Biểu hiện: - Vệ sinh cá nhân: Biết tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. Biết tự lau mặt, chải tóc gọn gàng. Biết cất khăn, bàn chải, dép đúng nơi quy định. - Trực nhật ở lớp: Biết kê bàn ghế ngay ngắn. Biết lau bàn, chia khăn, cốc cho các bạn.
--	--	--

		Biết cùng cô nhặt rác, quét lớp, xếp đồ dùng. - Trong hoạt động vui chơi: Biết lấy đồ chơi và cất gọn sau khi chơi. Biết tự chọn trò chơi phù hợp, rủ bạn cùng chơi. Giữ gìn đồ chơi sạch sẽ, không làm hỏng. => Ví dụ lời trẻ có thể nói: “Con tự rửa tay được rồi.” “Hôm nay con trực nhật, con lau bàn cho các bạn.” “Con cất đồ chơi xong rồi ạ.” => Ý nghĩa giáo dục: Giúp trẻ rèn tính tự lập, ý thức trách nhiệm, kỹ năng tự phục vụ bản thân và tinh thần hợp tác trong các hoạt động tập thể. Hoạt động ngoài trời: - Nhận biết và bày tỏ cảm xúc khi xảy ra xung đột (biết nói “Con buồn”, “Con giận”, thay vì khóc hoặc đánh bạn). - Tìm cách giải quyết mâu thuẫn bằng lời nói, thương lượng, chia sẻ hoặc nhờ người lớn hỗ trợ. - Ứng xử đúng mực: biết xin lỗi, cảm ơn, nhường nhịn, chờ đến lượt. - Chịu trách nhiệm với hành vi: nhận lỗi khi làm sai, cùng bạn/cô khắc phục hậu quả (nhặt đồ chơi bị rơi, lau chùi khi làm đổ nước...).
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
MT84	3.1. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét	Hoạt động chơi:

	mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.		Kỹ năng an ủi và chia vui với người thân, bạn bè
MT85	<i>Biết đồng cảm, hợp tác, đưa ra lựa chọn đúng - sai, nói điều mình muốn một cách lịch sự trong các tình huống đơn giản</i>		- Trẻ biết thể hiện sự quan tâm đến cảm xúc của người khác. - Biết an ủi khi người khác buồn, đau, gặp khó khăn.
MT86	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. - Biết trấn tĩnh lại, hạn chế cảm xúc và những hành vi tiêu cực (đánh bạn, cào cấu, quăng quật, gào khóc...) khi được người khác an ủi, giải thích	✓	- Biết chia vui khi bạn bè, người thân có niềm vui, thành công. Hoạt động khám phá:
MT87	3.3. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.		- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ
MT88	3.4. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)		+ Trẻ nhận biết được hình ảnh Bác Hồ (qua tranh ảnh, tượng, video). + Biết một số địa điểm gắn liền với hoạt động của Bác Hồ.
MT89	3.5. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		+ Hình thành tình cảm kính yêu, biết ơn Bác Hồ. - Trẻ kính yêu Bác Hồ
MT90	3.6. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.		- Trẻ biết một số nơi Bác Hồ từng ở và làm việc. - Trẻ có tình cảm yêu quý, kính trọng, mong muốn giữ gìn, chăm sóc những nơi gắn với Bác Hồ. + Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, kể chuyện - Trẻ biết bày tỏ tình cảm kính yêu Bác Hồ qua hát, đọc thơ, kể chuyện. - Trẻ hứng thú tham gia các hoạt động văn nghệ, mạnh dạn thể hiện trước cô và bạn.

		- Trẻ biết tên và nhận ra một số cảnh đẹp, di tích, lễ hội của quê hương, đất nước. - Trang phục phù hợp với từng địa phương, văn hoá của từng vùng miền - Trẻ có tình cảm yêu mến, tự hào với quê hương, đất nước Việt Nam. Hoạt động khác: - Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc qua tranh, nét mặt, cử chỉ, giọng nói + Trẻ nhận biết và gọi tên đúng các cảm xúc cơ bản: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. + Trẻ hiểu được cách thể hiện cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. + Biết chia sẻ cảm xúc và đồng cảm với người khác. - Khi xem tranh minh họa, trẻ nói được: “Bạn nhỏ đang cười, chắc là vui”, “Bạn khóc, chắc là buồn”. - Khi nhìn nét mặt, cử chỉ thật ngoài đời: + Mắt mở to, miệng há → ngạc nhiên. + Mặt đỏ, mày nhíu lại → tức giận. + Cúi đầu, che mặt → xấu hổ. - o Run rẩy, nép sau lưng bạn → sợ hãi. = Khi nghe giọng nói, trẻ nhận ra: giọng nhẹ nhàng → vui; giọng to, gắt → giận; giọng run run → sợ. = > Ví dụ hoạt động rèn luyện: + Trò chơi “Chiếc hộp cảm xúc” - Cho trẻ bốc thẻ tranh gương mặt cảm xúc → gọi tên cảm xúc và bắt chước theo.
--	--	---

		+ Đóng vai - Cô/cậu bạn đóng vai “giận dữ”, “vui vẻ”... → trẻ đoán cảm xúc. + Kể chuyện theo cảm xúc - Khi kể truyện, cô thay đổi giọng để thể hiện vui, buồn... trẻ nghe và nhận xét. +. Ý nghĩa giúp trẻ: - Giúp trẻ phát triển kỹ năng giao tiếp – xã hội, biết bày tỏ và điều chỉnh cảm xúc. - Hình thành khả năng đồng cảm, chia sẻ, sống hòa đồng với bạn bè. + Trẻ biết biểu lộ cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, lời nói: - Vui: cười, vỗ tay, nhảy nhót. - Buồn: im lặng, khóc, mặt rũ xuống. - Sợ hãi: run, nép sau lưng bạn, mắt mở to. - Tức giận: mày nhíu, nói to, giậm chân. - Ngạc nhiên: mắt tròn xoe, miệng há. - Xấu hổ: cúi đầu, che mặt, đỏ mặt. + Trẻ biết trấn tĩnh lại, hạn chế hành vi tiêu cực khi được người lớn an ủi, giải thích: - Khi giận không đánh bạn, cào cấu, ném đồ chơi. - Khi buồn, không gào khóc quá lâu. - Biết nghe lời an ủi: “Con hít thở sâu, bình tĩnh lại nào”, “Bạn không cố ý đâu, con tha lỗi cho bạn nhé”. Hoạt động ngoài trời: - Hoạt động học (làm quen văn học – âm nhạc).
--	--	---

			- Hoạt động ngoài trời hoặc góc văn học – nghệ thuật trong lớp. - Các ngày lễ, kỷ niệm (19/5, Tết Thiếu nhi). + Đồng cảm: Khi thấy bạn bị ngã, trẻ chạy lại hỏi thăm hoặc đưa khăn giấy; khi bạn buồn, trẻ biết an ủi. + Hợp tác: Biết cùng bạn xây tháp bằng khối gỗ, thay phiên nhau trong trò chơi, cùng nhau dọn dẹp đồ chơi + Nhận thức đúng – sai: Biết chỉ ra hành vi đúng (xếp hàng, chia sẻ) và sai (xô đẩy, giành giật). + Giao tiếp lịch sự: Biết nói “Bạn cho mình chơi cùng nhé”, “Mình muốn vẽ bức tranh này”, hoặc “Cô ơi, con cần bút màu” thay vì hét to hay giành giật.
--	--	--	--

4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội

MT91	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	✓	Hoạt động chơi: Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép với người lớn và bạn bè trong các tình huống hàng ngày.
MT92	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. - Biết chào hỏi...bằng tiếng Anh		- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. - Tham gia vào hoạt động tập thể như chơi...
MT93	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.		Trò chơi đóng vai theo chủ đề:
MT94	4.4. Biết chờ đến lượt.		- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".
MT95	4.5. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.		Hoạt động khác:
MT96	4.6. Biết tìm cách để giải quyết mâu		

	thuần (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- - Trẻ biết và thực hiện được một số quy định, nề nếp trong sinh hoạt hàng ngày ở lớp, ở gia đình và nơi công cộng. - - Trẻ hình thành thói quen lễ phép, gọn gàng, trật tự, biết tôn trọng người khác. + Ở lớp học - - Sau khi chơi xong, biết cất đồ chơi vào nơi quy định. - - Giữ gìn trật tự, không nói chuyện riêng khi cô giáo đang giảng. - - Xếp hàng khi ra sân chơi, khi đi vệ sinh. + Ở gia đình - - Vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị. - - Ăn uống đúng chỗ, không chạy nhảy lung tung trong bữa ăn. - - Muốn đi chơi phải xin phép người lớn. + Ở nơi công cộng - - Không làm ồn, không chen lấn xô đẩy. - - Biết giữ vệ sinh chung (không vứt rác bừa bãi, không bơi bắn tường, bàn ghế). - - Biết chào hỏi, nói lời cảm ơn, xin lỗi đúng lúc. - - - - Trẻ biết lắng nghe khi người khác (cô giáo, bạn bè, người lớn) đang nói. - - Trẻ không chen ngang, ngắt lời; biết chờ đến lượt mình để phát biểu. - - Hình thành thói quen giao tiếp văn minh, tôn trọng người khác.
--	--	---

		- Trẻ hiểu rằng trong sinh hoạt, học tập hay vui chơi cần xếp hàng, chờ đến lượt mình. - Trẻ biết kiên nhẫn, không chen lấn, không giành trước bạn. - Hình thành thói quen văn minh, công bằng trong giao tiếp và hoạt động hằng ngày. - Trẻ biết lắng nghe khi bạn nói, không ngắt lời. - Biết bày tỏ ý kiến của mình một cách rõ ràng, lễ phép. - Biết trao đổi, thoả thuận khi cùng tham gia trò chơi hay làm việc chung. - Biết chia sẻ kinh nghiệm (cách chơi, cách làm, mẹo nhỏ) với bạn để cùng tiến bộ. - Trẻ nhận biết được khi có mâu thuẫn (giành đồ chơi, tranh chỗ ngồi, khác ý kiến...).- Trẻ biết cách giải quyết mâu thuẫn bằng lời nói, nhờ cô/bố mẹ can thiệp, hoặc nhường nhịn. - Hạn chế hành vi tiêu cực như đánh bạn, khóc lóc, quăng đồ. Phương pháp giáo dục tiên tiến: - Trẻ bước đầu làm quen với một số câu chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi bằng tiếng Anh đơn giản.
5. Quan tâm đến môi trường		

MT97	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.		Hoạt động khác: - Rác hữu cơ: thức ăn thừa, vỏ trái cây, rau, lá cây, vỏ trứng... (có thể phân huỷ). - Rác vô cơ: túi nilon, giấy vụn bẩn, gạch, sành sứ vỡ... (không phân huỷ). - Rác tái chế: chai nhựa, lon nước ngọt, hộp giấy sạch, bìa carton... (có thể dùng lại, tái chế). - Nhận biết màu sắc của thùng rác (ví dụ: xanh – hữu cơ, vàng – tái chế, xám – vô cơ). - Khi bỏ rác phải xem rác thuộc loại nào để cho vào đúng thùng. Trò chuyện: - Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng. - Khoá vòi nước sau khi dùng. - Lấy vừa đủ thức ăn, ăn hết phần của mình, không bỏ thừa. - Giữ gìn đồ dùng cá nhân, đồ chơi, không làm hỏng. Hoạt động ngoài trời: - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Trẻ biết quan sát, quan tâm và yêu thích cây xanh, con
MT98	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	✓	
MT99	5.3. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).		
MT100	5.4. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	✓	
MT101	<i>Nhận biết, Phân loại các loại rác thải trong sinh hoạt</i>	✓	

			vật quen thuộc xung quanh. - Trẻ thể hiện sự chăm sóc qua những việc đơn giản, vừa sức - Biết bỏ rác đúng thùng theo ký hiệu/màu sắc đơn giản. - Hình thành thói quen giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường. - Trẻ có ý thức giữ gìn môi trường xung quanh. Không vứt rác bừa bãi. Không viết bậy, vẽ bậy lên tường. • - Biết dùng lời nói nhẹ nhàng, lễ phép để nhắc nhở bạn bè, người thân khi có hành vi chưa đúng. Không bẻ cành, hái hoa. Không dẫm lên cỏ trong vườn hoa - Hình thành thái độ yêu thiên nhiên, bảo vệ cây xanh, hoa lá.
--	--	--	--

V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật

MT102	1.1. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	✓	Hoạt động học: - Trẻ biết tán thưởng các âm thanh hay, gợi cảm (vỗ tay, reo hò, cười vui). - Khám phá và bắt chước các âm thanh tự nhiên hoặc nhạc cụ (tiếng chim hót, mưa rơi, trống, sáo...).
MT103	1.2. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	✓	*/Âm nhạc: - Trẻ chăm chú lắng nghe các bài hát, bản nhạc. - Biết thể hiện cảm xúc qua hát theo, nhún nhảy, lắc lư, vận động minh họa phù hợp với giai điệu, nhịp điệu.
MT104	1.3. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình	☆	*/ Ngôn ngữ – Văn học dân gian:

	(về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.		- Trẻ hứng thú nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ. - Biết đọc diễn cảm, nhấn nhá, thể hiện sắc thái tình cảm khi đọc. * / Kể chuyện: - Thích nghe cô kể chuyện, hiểu được nội dung chính. - Biết kể lại bằng lời của mình, kết hợp nét mặt, điệu bộ để thể hiện cảm xúc nhân vật. Hoạt động tạo hình: HOẠT ĐỘNG HỌC Tạo hình. Nặn 1 số đồ dùng trong lớp(ĐT). Hoạt động lao động: - Giúp trẻ biết quan sát và cảm nhận cái đẹp từ sản phẩm tạo hình (tranh vẽ, nặn, xé dán...). - Khuyến khích trẻ diễn đạt cảm xúc bằng những từ gọi cảm về màu sắc, hình dáng, bố cục. - Rèn cho trẻ tính tự tin, khả năng thuyết trình và óc thẩm mỹ.
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình			
MT105	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	✓	Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng: - Trẻ được sử dụng các khối hình khác nhau (vuông,

MT106	2.2. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	✓	tròn, chữ nhật, tam giác, khối trụ, khối cầu, lego, que tính...) để xếp thành sản phẩm. - Trẻ kết hợp nhiều kỹ năng xếp: xếp chồng, xếp cạnh, xếp nối tiếp, xếp xen kẽ...
MT107	2.3. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.		- Sản phẩm có kiểu dáng rõ ràng (ngôi nhà, ô tô, tàu hỏa, con vật, vườn hoa...) và được sắp xếp màu sắc hài hòa, cân đối.
MT108	2.4. Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	✓	- Khuyến khích trẻ sáng tạo theo ý tưởng riêng, không bắt buộc giống mẫu.
MT109	2.5. Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		- Rèn cho trẻ kỹ năng xếp hình sáng tạo và phối hợp các khối một cách hợp lý. - Biết lựa chọn màu sắc phù hợp, tạo sự hài hòa.
MT110	2.6. Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	✓	- Hình thành sản phẩm có bố cục cân đối, đẹp mắt.
MT111	2.7. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	✓	- Phát triển tư duy quan sát, tưởng tượng không gian và khả năng phối hợp nhóm
MT112	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục. - Trẻ tập làm MC thuyết trình sản phẩm dưới nhiều hình thức... cá nhân, nhóm...	✓	Hoạt động âm nhạc: - Trẻ biết hát đúng giai điệu, rõ lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát - Biết thể hiện cảm xúc, tình cảm qua giọng hát, nét mặt, ánh mắt, điệu bộ, cử chỉ.
MT113	2.6. Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	✓	- Rèn cho trẻ sự tự tin, khả năng biểu diễn và cảm thụ âm nhạc. + Kết hợp các hình thức vận động âm nhạc: - Vỗ tay theo tiết tấu (nhịp đều, tiết tấu nhanh – chậm, mạnh – nhẹ). - Nhún chân, lắc lư, xoay vòng theo giai điệu.

		- Múa minh họa theo nội dung bài hát (ví dụ: bài “Con chim non” → tay làm động tác chim bay, bài “Múa cho mẹ xem” → tay múa mềm mại). - Trẻ cảm nhận sắc thái âm nhạc (êm dịu, rộn ràng, vui tươi, tha thiết) và vận động phù hợp. - Sử dụng các dụng cụ gõ theo nhịp, phách. tiết tấu thành thạo Hoạt động tạo hình: + Trẻ được làm quen và sử dụng nguyên vật liệu đa dạng: - Nguyên vật liệu tạo hình: giấy màu, hồ dán, đất nặn, bìa cứng, ruy băng, hạt hạt, que tính, vải vụn... - Vật liệu thiên nhiên: lá cây khô, cành cây, hoa ép khô, hạt hạt, sỏi đá nhỏ, vỏ sò, vỏ ốc... => Trẻ tự do lựa chọn và phối hợp các vật liệu để tạo thành sản phẩm theo ý tưởng (VD: bức tranh phong cảnh từ lá khô, con vật từ hạt hạt, khung ảnh từ que gỗ và vỏ sò...). + Trẻ được vận dụng các kỹ năng vẽ: - Vẽ nét thẳng, nét cong, nét xiên, nét gấp khúc để tạo hình dáng. - Tô màu, phối màu để bức tranh hài hòa, sinh động. - Sắp xếp chi tiết hợp lý để bố cục cân đối (trời – đất, trước – sau, to – nhỏ). => Trẻ tự chọn đề tài và sáng tạo sản phẩm (VD: vườn hoa, gia đình em, trường mầm non, công viên, biển, cánh đồng...).
--	--	--

			+ Trẻ được thực hành các kỹ năng: - Cắt: cắt giấy theo hình tròn, vuông, tam giác, hình dài... - Xé: xé dọc, xé ngang, xé vụn, xé theo đường cong để tạo chi tiết mềm mại. - Dán: dán cân đối, ghép các chi tiết thành bức tranh hoàn chỉnh. => Trẻ biết phối hợp màu sắc hài hòa, bố cục cân đối để tạo bức tranh (VD: ngôi nhà, vườn hoa, đàn cá, công viên, bầu trời, cảnh biển...). -Trẻ được luyện tập phối hợp các kỹ năng nặn: - Vo tròn: tạo quả, đầu, nhụy hoa... - Lăn dài: làm thân, cành, chân... - Ấn dẹt: làm lá, cánh hoa, mái nhà... - Bẻ gấp, ghép nối: ghép các bộ phận lại thành sản phẩm hoàn chỉnh. - Sản phẩm có bố cục cân đối, rõ ràng, đẹp mắt, ví dụ: lọ hoa, đàn cá, vườn rau, ngôi nhà có cây, con vật đầy đủ bộ phận. - Trẻ biết quan sát và đưa ra nhận xét đơn giản về sản phẩm tạo hình (màu sắc, hình dáng, bố cục). - Hình thành thói quen tôn trọng, lắng nghe, cổ vũ bạn. - Trẻ biết vận dụng phối hợp nhiều kỹ năng nặn. - Sản phẩm có bố cục cân đối, màu sắc hài hòa. - Rèn sự khéo léo, kiên trì, sáng tạo. - Trẻ tự tin, hứng thú khi giới thiệu sản phẩm của mình
--	--	--	---

			với cô và bạn. - Trẻ được thực hành kết hợp nhiều kỹ năng nặn: lăn dọc, ấn dẹt, xoay tròn, bẻ gập, ghép dính... - Tạo ra một sản phẩm hoàn chỉnh (VD: lọ hoa có hoa, mâm quả, đàn cá, ngôi nhà có cây, vườn rau, con vật có đủ bộ phận...). - Hướng dẫn trẻ sắp xếp các chi tiết hài hòa, cân đối để sản phẩm đẹp mắt (hoa trong lọ phải cân xứng, quả trong mâm không chồng chéo, con vật có đầu – mình – chân cân đối). Phương pháp giáo dục tiên tiến: - Phát triển kỹ năng thuyết trình và hợp tác nhóm. - Rèn kỹ năng giao tiếp, mạnh dạn, tự tin trước tập thể. Ví dụ: Cá nhân: “Xin chào các bạn, mình là Lan. Đây là lọ hoa của mình. Mình dùng màu vàng để vẽ hoa, màu xanh cho lá. Mình thấy lọ hoa này rất đẹp và cân đối.”
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
MT114	3.1. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.		Hoạt động âm nhạc:
MT115	3.2. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.		- Tạo ra âm thanh từ đồ vật, dụng cụ mở (vỗ tay, dậm chân, gõ bàn, lắc chai nhựa có hạt, gõ thìa vào cốc...).
MT116	3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	✓	- Tự nghĩ ra các động tác minh họa (vẫy tay, xoay người, nhún nhảy...).
MT117	3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	✓	- Hát lại bài hát yêu thích theo cách riêng (hát nhanh – chậm, to – nhỏ, solo – theo nhóm)

		- Trẻ nhận biết và sử dụng dụng cụ gõ nhạc. - Rèn khả năng cảm thụ âm nhạc, giữ nhịp, tiết tấu. - Phát triển sự sáng tạo, tự tin khi biểu diễn. - Biết phối hợp với bạn trong nhóm hoặc tập thể. - Cô giới thiệu các dụng cụ gõ: trống nhỏ, thanh phách, song loan, lục lạc, mõ gõ, lon hộp nhạc... - Trẻ tự chọn dụng cụ yêu thích và gõ đệm theo tiết tấu mà mình muốn (có thể gõ nhịp đều hoặc sáng tạo tiết tấu riêng). - Khuyến khích trẻ thay đổi tiết tấu, gõ mạnh – nhẹ, nhanh – chậm để thể hiện cảm xúc. Hoạt động tạo hình: - Trẻ được khuyến khích tự do bày tỏ ý tưởng, suy nghĩ của mình qua sản phẩm tạo hình (vẽ, nặn, cắt dán, xé dán, gấp giấy...). - Tạo điều kiện để trẻ lựa chọn đề tài, chất liệu và cách thể hiện theo sở thích, không gò bó. - Sản phẩm của trẻ thể hiện sự sáng tạo, cá tính riêng và khả năng quan sát thế giới xung quanh. - Giúp trẻ biết trân trọng sản phẩm của mình. - Phát triển khả năng ngôn ngữ, sáng tạo, tưởng tượng. - Tạo hứng thú khi trưng bày sản phẩm.
Các hoạt động không phục vụ mục tiêu		

Ban giám hiệu



Bùi Thị Liễu

Khởi trường



Nguyễn Thị Hằng

Giáo viên



Đỗ Thị Huyền Trang